

Bản án số: 08/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 20-5-2019
V/v tranh chấp xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỈNH BIÊN, TỈNH AN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Châu Nam Phú.**

Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Mai;
- Ông Nguyễn Lâm Tới.

Thư ký phiên tòa: Ông Võ Thanh Hùng - thư ký Tòa án nhân dân huyện Tỉnh Biên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tỉnh Biên tham gia phiên Tòa: bà Neàng Sa Men – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tỉnh Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 230/2018/TLST-DS ngày 14 tháng 8 năm 2018 về việc "*Xin ly hôn*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 124/2019/QĐXX-ST ngày 08/4/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 9/2019/QĐDS-ST ngày 25/4/2018, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Võ Thị Bích L, sinh năm 1992. Địa chỉ cư trú: khóm 3, thị trấn C, huyện T, tỉnh An Giang, có mặt.

2. Bị đơn: Anh Hồng Thiên Đ, sinh năm 1989. Địa chỉ cư trú: khóm 1, thị trấn C, huyện T, tỉnh An Giang, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện lại ngày 24 tháng 7 năm 2018 và các lời khai tại Tòa án, cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Võ Thị Bích L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Hồng Thiên Đ sau khi quen biết, tìm hiểu, tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn vào năm 2012, sau khi kết hôn xong vợ chồng lên Sài Gòn sinh sống, làm ăn, quá trình chung sống anh Đ không tiếp lo cho cuộc sống gia đình, thường xuyên ăn nhậu, tiền bạc làm được thì nhậu hết. Ngoài ra anh Đ còn cờ bạc gây nợ nần ... chị đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh Đ không sửa đổi. Chị đã nhờ cha mẹ anh Đ tiếp khuyên nhưng không được; do không chịu đựng được nên từ năm 2015, chị không sống chung nhà trọ với anh Đ nữa, chị bỏ đi sống với bạn, từ đó vợ chồng sống ly thân nhau đến ngày hôm nay. Nay giữa chị và anh Đ không còn tình cảm vợ chồng nên chị xin ly hôn anh Đ.

- Về quan hệ con chung: Có một đứa con chung tên Hồng Thiên B, sinh ngày 28/09/2013, hiện con đang sống với chị, nếu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn thì chị xin quyền nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng.

- Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: không có.

2. Quá trình tố tụng, anh Hồng Thiên Đ đã được Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng thông qua việc niêm yết công khai về: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chỉ có nguyên đơn chị L có mặt, bị đơn anh Hồng Thiên Đ vắng mặt (không có lý do) nên Tòa án tiến hành lập biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và lập biên bản không tiến hành hòa giải được.

Ngày 25/4/2019, Tòa án mở phiên tòa xét xử và đã triệu tập họp lệ các đương sự nhưng chỉ có mặt nguyên đơn, bị đơn vắng mặt không có lý do nên Tòa án hoãn phiên tòa lần thứ nhất.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Võ Thị Bích L vẫn giữ nguyên yêu cầu và không cung cấp tài liệu chứng cứ gì thêm cho Tòa án.

3. Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70; Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn Hồng

Thiên Đ chưa thực hiện quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, tuy được tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa.

- Về việc giải quyết vụ án: nhận thấy hôn nhân giữa chị L và anh Đ không còn hạnh phúc, mâu thuẫn phát sinh nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2015 đến nay, điều này cho thấy cuộc sống hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 89, Điều 91 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị L xin được ly hôn với anh Đ;

Về con chung: Có một đứa con chung tên Hồng Thiên B, sinh ngày 28/09/2013, do chị L đang nuôi dưỡng, chị L xin được quyền nuôi con, anh Đ vắng mặt không có yêu cầu gì nên đề nghị Hội đồng xét xử giao con cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng.

Về tài cấp dưỡng, sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về sự vắng mặt của bị đơn: Bị đơn anh Đ đã được Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng, triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt tại phiên tòa mà không không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp hôn nhân gia đình về việc xin ly hôn và bị đơn có nơi cư trú tại khóm 1, thị trấn C, huyện T, tỉnh An Giang. Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Quan hệ hôn nhân và gia đình giữa chị L và anh Đ được xác lập vào năm 2012, trước ngày Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có hiệu lực, nay phát sinh tranh chấp thì áp dụng pháp luật về hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết theo quy định tại Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh Đ được xác lập vào năm 2003, có Đ ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn C theo đúng quy định

tại Điều 9, Điều 11 Luật hôn nhân gia đình 2000 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Theo lời trình bày của nguyên đơn và xác minh tại địa phương thì chị L và anh Đ phát sinh mâu thuẫn, hiện tại đã sống ly thân, hai người không còn qua lại với nhau. Tại phiên tòa, chị L cho rằng vợ chồng không thể chung sống với nhau được và kiên quyết xin ly hôn, Điều này chứng minh tình cảm của vợ chồng không còn, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị L xin ly hôn là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu.

[2.2] Về quan hệ con chung: chị Võ Thị Bích L và anh Hồng Thiên Đ có một đứa con chung tên Hồng Thiên B, sinh ngày 28/09/2013, do chị L đang nuôi dưỡng. Chị L yêu cầu quyền nuôi con sau khi ly hôn, không yêu cầu anh Hồng Thiên Đ cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy chị L là người trực tiếp nuôi con từ khi hai người sống ly thân đến nay, để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung, Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Hồng Thiên B cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng nuôi dưỡng.

Chị Võ Thị Bích L cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh Hồng Thiên Đ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con chưa thành niên, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân tổ chức có thẩm quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người người nuôi con.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Võ Thị Bích L không yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[2.4] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung chị L nêu không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5] Tại phiên tòa, anh Hồng Thiên Đ vắng mặt không có ý kiến, không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét.

[2.6] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Chị Võ Thị Bích L phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

- Anh Hồng Thiên Đ không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 3 Điều 218; Khoản 1 Điều 227; Khoản 1 Điều 228; khoản 2 Điều 244; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Các Điều 9, 11, 89, 91, 92, 93 và Điều 94 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000;

- Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị Võ Thị Bích L

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Thị Bích L được ly hôn anh Hồng Thiên Đ.

2. Về quan hệ con chung: Chị Võ Thị Bích L được quyền nuôi con chung Hồng Thiên B, sinh ngày 28/09/2013.

Anh Hồng Thiên Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Võ Thị Bích L cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh Hồng Thiên Đ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con chưa thành niên, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân tổ chức có thẩm quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người người nuôi con.

3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Võ Thị Bích L phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: TU/2016/0004349 ngày 13 tháng 8 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tịnh Biên.

4. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt tại phiên Tòa được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Riêng đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo qui định tại Điều 30 luật thi hành dân sự.

Giấy chứng nhận kết hôn số 17 ngày 03 tháng 4 năm 2012 của Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý khi bản án có hiệu lực pháp luật.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Đương sự (2);
- VKS huyện (1);
- UBND xã/thị trấn nơi đăng ký kết hôn (1)
- THA huyện (1);
- Lưu vp, hs (2).

Châu Nam Phú